

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/ DS - ST

Ngày: 28/02/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung

Các Hội thẩm nhân dân:- Ông Lê Đức Dũng

- Bà Lại Thị Thuý Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST – DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Trụ sở: Tầng A và tầng 2 Tòa nhà S - A P, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – giám đốc TTQLN NHBL.

Bà H ủy quyền lại cho: Nguyễn Đình H1; Lưu Duy L và Nguyễn Thị Phương M – địa chỉ liên hệ: Tầng F, tòa nhà P, B U, phường B, quận B, Tp . (có mặt)

- Bị đơn: anh Nhâm Gia B, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/5/2019, Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã ký kết với anh N Gia Bảo hợp đồng tín dụng số 5075256.19 với nội dung Ngân hàng cho anh Nhâm Gia B vay số tiền 165.000.000 đồng. Mục đích vay là tiêu dùng. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 27/5/2024; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 17,5%, mức lãi suất này cố định trong suốt thời hạn vay; số tiền phải trả hàng tháng (bao gồm cả gốc lẫn lãi) là 4.145.165 đồng; ngày đến hạn trả tiền hàng tháng: 10; kỳ trả đầu tiên vào ngày 10/6/2019; hoàn trả

phí: theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ; Phí trả nợ trước hạn, năm 1: 4% giá trị trả nợ trước hạn (tối thiểu là 500.000 đồng), năm thứ 2: 3% giá trị trả nợ trước hạn (tối thiểu là 500.000 đồng), năm thứ 3 trở đi: 2% giá trị trả nợ trước hạn (tối thiểu là 500.000 đồng). Ngày 27/5/2019, Ngân hàng đã giải ngân cho anh **N** Gia Bảo theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5075256(1).19 với số tiền 165.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng anh **Nhâm Gia B** chỉ thanh toán cho Ngân hàng 14.192.645 đồng tiền gốc và tiền lãi đến ngày 10/10/2019. Số tiền gốc còn nợ lại là 150.807.355 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu anh **Nhâm Gia B** phải trả 150.807.355 đồng tiền gốc, nợ lãi trong hạn, quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5075256.19 cho đến khi thanh toán toàn bộ số nợ.

Ngày 20/5/2019, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho anh **N** Gia Bảo theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản của anh **Nhâm Gia B**, theo nội dung phát hành thẻ thì hợp đồng thẻ: C000000000212968; loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế VIB Standard; ngày cấp 20/5/2019 hạn mức thẻ: 30.000.000 VNĐ; lãi suất, phí: theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB. Quá trình sử dụng thẻ, anh **Nhâm Gia B** vi phạm nghĩa vụ chỉ thanh toán cho Ngân hàng 1.500.000 đồng tiền gốc, đến ngày 05/6/2019 anh **B** thanh toán toàn bộ nợ gốc còn lại cho Ngân hàng là 28.500.000 đồng nhưng sau đó anh lại thực hiện giao dịch hết hạn mức là 30.000.000 đồng, chưa thanh toán lãi và phí cho ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu anh **Nhâm Gia B** phải thanh toán nợ gốc là 28.500.000 đồng, nợ lãi đến ngày 05/9/2021 là 19.622.884 đồng, phí thường niên là 1.200.000 đồng, phí chậm thanh toán là 34.230.102 đồng. Tổng cộng là 83.552.986 đồng. Đồng thời, từ ngày 01/3/2023 anh **N** Gia Bảo còn phải chịu lãi, phí phát sinh theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản cho đến khi anh **N** Gia Bảo thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

*Tại bản tự khai bị đơn anh **Nhâm Gia B** trình bày: Anh cũng thống nhất với ngân hàng ngày 27/5/2019 anh có ký kết hợp đồng tín dụng số 5075256.19 nội dung là vay của Ngân hàng số tiền 165.000.000 đồng. Từ khi vay cho đến nay anh trả cho Ngân hàng khoảng 01 năm tuy nhiên không nhớ chính xác số tiền đã trả là bao nhiêu.

Ngày 20/5/2019, anh có đề nghị và được **ngân hàng Q** cấp thẻ tín dụng; hạn mức thẻ là 30.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ anh có trả cho Ngân hàng khoản 01 năm, tuy nhiên anh không nhớ chính xác số tiền.

Nay anh đồng ý với quyết định xét xử của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng và anh.

* Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiến nghị vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

+ Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh **Nhâm Gia B** phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi, phí phát sinh đến ngày 28/02/2023 là 338.681.124 đồng. Kể từ ngày 01/3/2023 anh **Nhâm Gia B** còn phải chịu lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản cho đến khi anh **N** gia Bảo thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Về án phí: anh **N** Gia Bảo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng khởi kiện anh **Nhâm Gia B** yêu cầu thanh toán tiền gốc, lãi, phí trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản nên quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Theo hợp đồng tín dụng số 5075256.19 ngày 27/5/2019 các bên thoả thuận số tiền vay là 165.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng (từ ngày 27/5/2019 đến 27/5/2024); ngày 27/5/2019 Ngân hàng đã giải ngân cho anh **N** Gia Bảo số tiền 165.000.000 đồng theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5075256(1).19; các bên thoả thuận bên vay trả gốc và lãi cho ngân hàng vào ngày 10 định kỳ 01 tháng/lần với số tiền là 4.145.165 đồng, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 10/6/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng anh **B** đã trả cho Ngân hàng số nợ gốc là 14.492.645 đồng còn nợ lại tiền gốc là 150.807.355 đồng. Do anh **B** vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận nên ngày 11/10/2019 Ngân hàng chuyển toàn bộ khoản vay của anh **B** sang nợ quá hạn. Anh **B** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ là căn cứ để ngân hàng thu hồi nợ trước hạn là có căn cứ. Anh **B** cũng thống nhất vay của ngân hàng hợp đồng tín dụng số 5075256.19 ngày 27/5/2019 và đã trả cho ngân hàng khoảng 01 năm tiền gốc và lãi nhưng anh không nhớ số tiền cụ thể. Do anh **B** thừa nhận việc vay tiền của Ngân hàng nhưng không cung cấp được cụ thể số tiền đã trả nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu anh **B** phải trả số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 5075256.19 ngày 27/5/2019 với số nợ gốc là 150.807.355 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản của anh **Nhâm Gia B**, theo nội dung phát hành thẻ hạn mức thẻ là 30.000.000 đồng; Anh **B** chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 1.500.000 đồng còn nợ lại 28.500.000 đồng. Anh **B** cũng thừa nhận có ký kết với ngân hàng đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản; hạn mức thẻ là 30.000.000 đồng; anh có trả cho Ngân hàng khoản 01 năm nhưng không nhớ số tiền cụ thể. Do anh **B** thừa nhận việc vay tiền nhưng không cung cấp được số tiền cụ thể đã trả do đó, nhận thấy yêu cầu của Ngân hàng về số tiền gốc 28.500.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Về số tiền nợ lãi trong hạn, quá hạn, phí:

Đối với hợp đồng tín dụng số 5075256.19 ngày 27/5/2019, Ngân hàng yêu cầu anh **N** Gia Bảo phải trả nợ lãi trong hạn 67.587.360 đồng, nợ lãi quá hạn 36.737.423 đồng. Anh **B** đề nghị Toà án xét xử. Xét yêu cầu tính lãi trong hạn, lãi nợ quá hạn của Ngân hàng nhận thấy các bên thoả thuận lãi suất trên nợ gốc quá hạn là bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và được tính từ ngày khoản tiền dư nợ gốc đó đến hạn phải thanh toán cho đến khi bên vay thanh toán đầy đủ tiền dư nợ gốc cho ngân hàng. Khoản tiền lãi đến hạn phải thanh toán mà bên vay chưa thanh toán cho Ngân hàng sẽ chịu lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên khoản tiền lãi chậm trả từ ngày khoản tiền lãi đó đến hạn phải thanh toán cho đến ngày bên vay thanh toán đầy đủ khoản tiền lãi cho ngân hàng. Do các bên thoả thuận lãi trong hạn và quá hạn trong hợp đồng tín dụng và điều khoản và điều kiện cấp tín dụng theo hợp đồng tín dụng nên yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với thoả thuận. Do đó, chấp nhận tiền nợ lãi trong hạn, quá hạn của ngân hàng.

Đối với đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 20/5/2019; ngân hàng yêu cầu anh **B** nợ lãi đến ngày 05/9/2021 là 19.622.884 đồng, phí thường niên là 1.200.000 đồng, phí chậm thanh toán là 34.230.102 đồng. Anh **B** đề nghị Toà án xét xử. Theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 20/5/2019 các bên thống nhất lãi suất, phí theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Căn cứ bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng do ngân hàng cung cấp nhận thấy yêu cầu về lãi của Ngân hàng là phù hợp với điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng nên chấp nhận yêu cầu của ngân hàng đối với số tiền lãi, phí chậm thanh toán. Riêng đối với phí thường niên thì theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng do ngân hàng cung cấp nhận thấy mức phí là 299.000 đồng/ năm và thời hạn là 04 năm nên chỉ chấp nhận phí 1.196.000 đồng

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 16.934.000 đồng. Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

[5] Xét thấy quan điểm của đại diện VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **ngân hàng TMCP Q** đối với anh **Nhâm Gia B** về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1. Buộc anh **Nhâm Gia B** phải trả cho **Ngân hàng TMCP Q** số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/02/2023 theo hợp đồng tín dụng số 5075256.19 ngày 27/5/2019, Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng kèm theo hợp đồng tín dụng số 5075256.19 ngày 27/5/2019 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5075256(1).19 ngày 27/5/2019 cụ thể:

Nợ gốc: 150.807.355 đồng.

Lãi trong hạn: 67.587.360 đồng.

Lãi quá hạn: 36.737.423 đồng.

Tổng cộng: 255.132.138 đồng.

Kể từ ngày 01/3/2023, anh **Nhâm Gia B** còn phải tiếp tục chịu số tiền nợ lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5075256.19 ngày 27/5/2019, Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng kèm theo hợp đồng tín dụng số 5075256.19 ngày 27/5/2019 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5075256(1).19 ngày 27/5/2019 đã ký kết giữa các bên cho đến khi anh **N** gia Bảo thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Buộc anh **N** gia Bảo phải trả cho ngân hàng nợ gốc là 28.500.000 đồng, nợ lãi đến ngày 05/9/2021 là 19.622.884 đồng, phí thường niên là 1.196.000 đồng, phí chậm thanh toán là 34.230.102 đồng. Tổng cộng là 83.548.986 đồng. Kể từ ngày 01/3/2023, anh **Nhâm Gia B** còn phải chịu lãi, phí phát sinh theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản cho đến khi anh **N** gia Bảo thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng.

Trường hợp anh **N** gia Bảo không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành thi hành án theo quy định pháp luật.

2. Về án phí:

Anh **Nhâm Gia B** phải chịu 16.934.000 (Mười sáu triệu chín trăm ba mươi bốn ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng 7.136.000 (*Bảy triệu một trăm ba mươi sáu ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí mà ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000932 ngày 29/12/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Cẩm Mỹ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15, ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa